

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THANH BÌNH

**KIỂM SOÁT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI CÁC
DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ DO CỤC THUẾ TỈNH
QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN**

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 1: TS. Phạm Hoài Hương

Phản biện 2: GS. TS. Đặng Thị Loan

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kế toán học tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 8 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Mỗi một quốc gia đều nhận thức được tầm quan trọng của thuế, thuế không chỉ là nguồn thu chủ yếu của NSNN mà còn là công cụ quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Vì vậy, Ngày 10/9/1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã thay mặt Chủ tịch Chính phủ lâm thời ký Sắc lệnh số 27/SL lập ra Sở Thuế quan và Thuế gián thu. Quyết định này là cơ sở pháp lý và là tiền đề cho ngành Thuế Việt Nam ra đời và phát triển.

Cục thuế Quảng Bình được thành lập năm 1990 có nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn. Cùng với sự phát triển toàn diện về mọi mặt của tỉnh, Cục thuế Quảng Bình đã không ngừng lớn mạnh góp phần quan trọng trong việc đảm bảo nguồn thu cho NSNN ở địa phương. Hệ thống kiểm soát thuế nhất là kiểm soát thuế GTGT từng bước được cải cách, hiện đại hoá, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBCC thuế ngày càng nâng lên; NNT nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ nộp thuế của mình.

Qua những điều tra sơ bộ cho thấy, Quảng Bình là một tỉnh nằm ở khu vực miền Trung với điều kiện tự nhiên ít thuận lợi, gặp nhiều khó khăn trong việc thu hút đầu tư, số thu ngân sách còn thấp, hoạt động SX kinh doanh chưa phát triển, các DN vừa và nhỏ trên địa bàn kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn và trong những năm gần đây số lượng DN vừa và nhỏ tuy có xu hướng tăng lên nhưng tình trạng thất thu thuế vẫn không có xu hướng giảm nhiều. Để thực hiện mục tiêu tăng thu cho ngân sách đồng thời nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế GTGT, đảm bảo tính công bằng trong nghĩa vụ thuế thì việc tăng cường công tác kiểm soát thuế GTGT đối với các

DN vừa và nhỏ là một đòi hỏi bức thiết.

Xuất phát từ những vấn đề trên, tôi đã chọn đề tài: “*Kiểm soát thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do Cục thuế tỉnh Quảng Bình thực hiện*” làm Luận văn Thạc sĩ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Khảo sát thực trạng công tác kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ do cục thuế Tỉnh Quảng Bình thực hiện, phát hiện các vấn đề còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là công tác kiểm soát thuế GTGT do Cục thuế tỉnh Quảng Bình thực hiện đối với nhóm DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp, cụ thể là công tác kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ do cục thuế tỉnh Quảng Bình thực hiện.

Để khảo sát thực trạng công tác kiểm soát thuế GTGT tại cục thuế tỉnh Quảng Bình, tác giả lập bảng câu hỏi khảo sát CBCC thuế và các DN vừa và nhỏ, kết hợp quan sát trực tiếp và nghiên cứu tài liệu từ đó xác định các vấn đề còn tồn tại và tiến hành phỏng vấn chuyên sâu một số CBCC thuế để đề xuất các giải pháp khắc phục các hạn chế trong công tác này.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu của đề tài này sẽ góp phần cung cấp một cái nhìn toàn diện về vấn đề kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ hiện nay không chỉ cho cơ quan thuế mà còn cho các DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh và những người có quan tâm tới vấn đề

này. Riêng với các cán bộ thuế, đề tài này còn đưa ra những đề xuất nhằm cải thiện những điểm còn thiếu sót hay cần cải thiện trong công tác kiểm soát thuế GTGT đối với loại hình DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Những hạn chế và thành công của đề tài này sẽ tạo cơ sở là tài liệu tham khảo cho hoạt động nghiên cứu nhằm nâng cao kỹ thuật kiểm soát thuế GTGT tại các DN vừa và nhỏ được thực hiện trong các nghiên cứu sau.

6. Kết cấu luận văn

Ngoài các phần mở đầu; kết luận; danh mục từ cụm từ viết tắt; danh mục bảng biểu; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục; Đề tài nghiên cứu được trình bày theo 3 phần chính sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát thuế GTGT đối với doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kiểm soát thuế GTGT đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do Cục Thuế Tỉnh Quảng Bình thực hiện.

Chương 3: Giải pháp tăng cường công tác kiểm soát thuế GTGT đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do Cục Thuế Tỉnh Quảng Bình thực hiện.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả nhận thấy các nghiên cứu về kiểm soát thuế, đặc biệt là đề tài kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ do cục thuế thực hiện là một trong những vấn đề nghiên cứu không mới nhưng chưa thật sự có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về kiểm soát thuế GTGT đối với các loại hình DN nhất là loại hình DN vừa và nhỏ mà hầu hết các nghiên cứu về kiểm soát các loại thuế nói chung, hay các nghiên cứu chuyên sâu về đặc tính của sắc thuế hay các khía cạnh mới thay đổi trong luật thuế

GTGT. Với một số nghiên cứu như sau:

Trần Thị Mỹ Dung (2012), *Tăng cường kiểm soát thuế GTGT tại chi cục thuế Quận Cẩm Lệ*, Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đà Nẵng.

Lê Thị Hồng Lũy (2012), *Tăng cường kiểm soát thuế GTGT tại cục thuế tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đà Nẵng.

Đề tài của hai tác giả Trần Thị Mỹ Dung và Lê Thị Hồng Lũy đều hướng tới mục tiêu hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận về kiểm soát thuế GTGT trong mô hình quản lý theo chức năng, khảo sát, đánh giá thực trạng kiểm soát thuế GTGT tại cục thuế tỉnh Bình Định và chi cục thuế Quận Cẩm Lệ. Luận văn tập trung vào vấn đề cán bộ thuế cùng những vướng mắc trong quy trình kiểm soát thuế GTGT đối với các DN trên địa bàn. Bên cạnh đó, các tác giả còn phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài có tác động mạnh đến kiểm soát thuế GTGT. Những giải pháp khắc phục của các tác giả đề cao vấn đề trình độ cán bộ ngành thuế và hoàn thiện việc kiểm soát theo từng quy trình dựa theo thực trạng địa bàn, đưa ra kiến nghị tới các cơ quan thẩm quyền để mở rộng hành lang pháp lý về kiểm soát thuế GTGT.

Qua việc tham khảo và nghiên cứu các tài liệu thu thập được, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu vấn đề kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ chưa thực sự được chú trọng. Các đề tài chủ yếu tập trung nghiên cứu về DN nói chung hay chỉ nghiên cứu về một phần của quy trình kiểm soát như thanh tra, kiểm tra, hệ thống thông tin về thuế hay nghiên cứu về kiểm soát thuế nói chung. Kết hợp giữa những tài liệu thu thập, luật thuế GTGT cũng như những hiểu biết của bản thân tác giả trong vấn đề kiểm soát thuế GTGT và

tình hình hoạt động của các DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình do cục thuế tỉnh Quảng Bình quản lý, tác giả quyết định thực hiện đề tài “Kiểm soát thuế GTGT đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do cục thuế tỉnh Quảng Bình thực hiện” làm luận văn tốt nghiệp. Với những nét mới như áp dụng bảng câu hỏi thu thập ý kiến từ CBCC thuế và DN vừa và nhỏ tạo ra cái nhìn về công tác kiểm soát thuế từ cả hai phía từ đó tìm ra những vướng mắc phổ biến đối với thuế GTGT và những hình thức gian lận trốn thuế GTGT của các DN vừa và nhỏ thực tế trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Hướng tới việc cơ quan thuế đồng hành cùng DN trong vấn đề kiểm soát thuế GTGT. Những nghiên cứu mà tác giả đề cập là cơ sở lý thuyết và thực tiễn quan trọng để thực hiện nghiên cứu này.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1.1. TỔNG QUAN VỀ THUẾ GTGT

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế GTGT

Theo điều 2 Luật thuế GTGT luật số 05/VBHN-VPQH của Văn phòng Quốc Hội quy định: Thuế GTGT là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ SX, lưu thông đến tiêu dùng.

Thực chất thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh vào hành vi tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ. Tuy nhiên về bản chất, thuế GTGT khác với các loại thuế gián thu khác, điều này thể hiện qua các đặc điểm dưới đây của thuế GTGT.

1.1.2. Phạm vi áp dụng thuế GTGT

1.1.3. Căn cứ tính thuế và phương pháp tính thuế GTGT

1.2. KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DN

1.2.1. Lý luận về kiểm soát thuế

1.2.2. Mục tiêu cơ bản của kiểm soát thuế GTGT

Thứ nhất, kiểm soát thuế GTGT phải giúp cho công tác quản lý nguồn thu NSNN được thực hiện một cách tốt nhất, tập trung và huy động đầy đủ số thu cho NSNN.

Thứ hai, kiểm soát thuế GTGT nhằm đề cao ý thức tự giác chấp hành chính sách, pháp luật về thuế và tạo điều kiện cho DN thực hiện tốt nghĩa vụ thuế GTGT.

Thứ ba, kiểm soát thuế GTGT là nhằm điều chỉnh những bất hợp lý, những kẽ hở của chính sách pháp luật trong quá trình thực hiện Luật thuế GTGT và Luật QLT

Thứ tư, kiểm soát thuế nhằm cải tiến các thủ tục QLT GTGT,

phân công, phân nhiệm rõ ràng, chuẩn hoá dần công tác QLT GTGT, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy QLT, chất lượng công việc của đội ngũ CBCC thuế.

Thứ năm, kiểm soát thuế GTGT góp phần huy động tốt nhất vai trò của thuế GTGT trong nền kinh tế

1.2.3. Vai trò và sự cần thiết kiểm soát thuế GTGT

1.2.4. Quy trình kiểm soát thuế GTGT đối với DN

Bước 1: Trên cơ sở Luật QLT, các văn bản pháp luật thuế GTGT liên quan và các quy trình quản lý do ngành thuế ban hành để xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chung dựa trên mục đích của việc kiểm soát thuế, xây dựng các quy chế làm việc cho từng cá nhân, bộ phận trong CQT.

Bước 2: Căn cứ vào hệ thống tiêu chuẩn để thực hiện quá trình kiểm soát. Thu thập và xử lý thông tin về ĐTNT một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời nhằm phát hiện, ngăn ngừa và xử lý các hành vi vi phạm Luật thuế GTGT.

Bước 3: Dựa trên những thông tin thu được trong quá trình kiểm soát, trước hết CQT phải tự điều chỉnh hoạt động của mình đảm bảo đúng quy trình nghiệp vụ và đúng pháp luật. Sau đó tổng hợp những bất cập của các Luật thuế GTGT, Luật QLT và quy trình quản lý, kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có thể đưa ra những giải pháp điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện.

1.2.5. Nội dung kiểm soát thuế GTGT đối với DN

a. Kiểm soát ở khâu đăng ký, kê khai thuế GTGT

b. Kiểm soát ở khâu kiểm tra, thanh tra thuế GTGT

1.3. ĐẶC ĐIỂM DN VỪA VÀ NHỎ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT

1.3.1. Khái niệm về DN vừa và nhỏ

Hiện nay, theo điều 3 nghị định số 56/2009/NĐ-CP của Chính Phủ về trợ giúp phát triển DN vừa và nhỏ quy định về DN vừa và nhỏ như sau:

DN nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của DN) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)

1.3.2. Vai trò của DN vừa và nhỏ trong nền kinh tế

1.3.3. Đặc điểm của DN vừa và nhỏ

- Dễ dàng khởi sự, bộ máy chỉ đạo gọn nhẹ và năng động, nhạy bén với sự thay đổi của thị trường.

- Sẵn sàng đầu tư vào các lĩnh vực mới, lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.

- Không có hoặc ít có xung đột giữa người thuê lao động và NLĐ tuy nhiên chất lượng lao động trong DN lại không cao.

- DN vừa và nhỏ có nhiều hạn chế về vốn và khả năng huy động vốn.

1.3.4. Ảnh hưởng của đặc điểm DN vừa và nhỏ đến công tác kiểm soát thuế GTGT

- Các DN vừa và nhỏ có khả năng xung đột giữa lợi ích tư nhân và lợi ích xã hội cao.

- Các DN vừa và nhỏ tiềm ẩn nhiều khả năng trong việc thực hiện những hành vi trốn thuế và gian lận về thuế.

- Số lượng các DN vừa và nhỏ có nhiều sự biến động lớn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DN VỪA VÀ NHỎ DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN

2.1. ĐẶC ĐIỂM DN VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

2.1.1. Giới thiệu DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Tính đến thời điểm tháng 12/2014, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 24.003 đối tượng tham gia vào hoạt động SX kinh doanh đăng ký tại cục thuế tỉnh Quảng Bình. Cụ thể, DN và tổ chức 5.298 đơn vị, hộ kinh doanh cá thể 18.705 hộ; việc cấp MST được thực hiện theo đúng quy định và đúng đối tượng vào quản lý kịp thời, trong đó DN vừa và nhỏ chiếm tỷ trọng tương đối lớn là 4.643 DN.

2.1.2. Đặc điểm DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

2.2. TỔNG QUAN VỀ CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của cục thuế tỉnh Quảng Bình

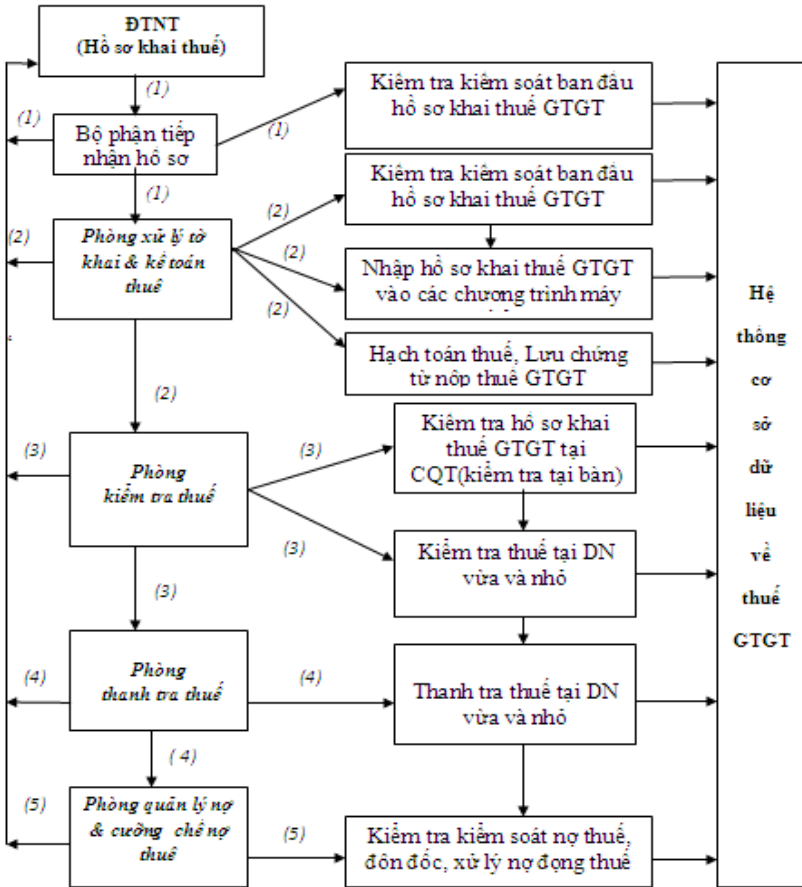
Đề phù hợp với các quy định của Luật QLT, thực hiện quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, hiện tại Cục Thuế Quảng Bình được tổ chức lại theo mô hình quản lý chức năng gồm: 01 Cục trưởng, 02 Phó cục trưởng, 11 Phòng, 7 Chi cục Thuế huyện, thành phố.

2.2.2. Bộ máy hoạt động của cục thuế tỉnh Quảng Bình

2.3. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DN VỪA VÀ NHỎ DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN

2.3.1. Quy trình kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ tại Cục thuế Quảng Bình

Quá trình tham gia của các bộ phận vào quy trình kiểm soát thuế GTGT này được mô tả theo hình như sau:



Sơ đồ 2.2. Các thủ tục kiểm soát thuế đối với DN vừa và nhỏ tại các bộ phận chức năng của Cục thuế Quảng Bình

(1) Hồ sơ kê khai thuế GTGT của các DN vừa và nhỏ được chuyển đến CQT (phòng tuyên truyền hỗ trợ ĐTNNT), sau đó chuyển cho Phòng xử lý tờ khai và kế toán thuế;

(2) Phòng xử lý tờ khai và kế toán thuế tiến hành kiểm tra ban đầu đối với hồ sơ khai thuế GTGT (kiểm tra sổ học, tính đầy đủ, hợp lý, logic

(3) Phòng kiểm tra tiến hành kiểm tra tại bàn toàn bộ hồ sơ khai thuế GTGT do DN vừa và nhỏ nộp, qua kiểm tra nếu phát hiện sai sót thì yêu cầu các DN giải trình, kê khai bổ sung. Nếu như đơn vị không giải trình được thì đề xuất lãnh đạo Cục thuế ra quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT.

(4) Hàng năm, căn cứ vào hệ thống thông tin, dữ liệu về thuế, Phòng thanh tra thuế tiến hành phân tích hồ sơ và xây dựng kế hoạch thanh tra đối với các DN vừa và nhỏ. Trên cơ sở kế hoạch đã được phê duyệt tiến hành thanh tra tại DN theo kế hoạch hoặc thanh tra đột xuất theo đề xuất của Phòng kiểm tra thuế.

(5) Phòng quản lý nợ & cưỡng chế nợ thuế tiến hành kiểm tra, kiểm soát nợ thuế, đôn đốc thu nợ thuế, phân loại nợ đọng thuế, tính phạt chậm nộp và đề xuất các biện pháp cưỡng chế nợ đọng thuế (phần này không có trong nghiên cứu của tác giả).

Trong quá trình thực hiện chức năng của mình, các bộ phận kiểm tra kiểm soát thường xuyên khai thác dữ liệu chung từ hệ thống cơ sở dữ liệu về thuế, đồng thời nhập bổ sung kết quả thực hiện của bộ phận mình vào hệ thống dữ liệu chung để các bộ phận chức năng khác theo dõi, khai thác và quản lý.

2.3.2. Khảo sát sơ bộ thực trạng kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ thông qua bảng câu hỏi và phỏng vấn trực tiếp

- Phạm vi phỏng vấn: Quá trình khảo sát được thực hiện trên

địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Đối tượng phỏng vấn: Các CBCC thuế tại cục thuế và chi cục thuế các huyện và nhân viên kế toán làm việc tại các DN vừa và nhỏ đang hoạt động tại các ngành nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Cách thức phỏng vấn: Bên cạnh việc thiết kế 2 phiếu khảo sát, 1 cho CBCC thuế và 1 cho nhân viên kế toán của các DN vừa và nhỏ; tác giả còn tiến hành phỏng vấn trực tiếp một số CBCC thuế làm việc tại các khâu kiểm soát thuế GTGT mà tác giả tập trung nghiên cứu trong đề tài này (cán bộ thanh tra thuế, cán bộ kiểm tra thuế).

- Mục đích điều tra CBCC thuế: Việc lấy mẫu điều tra CBCC thuế nhằm mục đích góp phần làm rõ vấn đề kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ dưới góc nhìn của CBCC thuế. Bảng câu hỏi điều tra thực trạng kiểm soát thuế GTGT được xây dựng gồm 3 phần: Thông tin chung về người được phỏng vấn; Đánh giá tính tuân thủ và biện pháp kiểm tra kiểm soát thuế GTGT; Đánh giá về các thủ tục kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ.

- Mục đích điều tra DN vừa và nhỏ: Việc lấy mẫu điều tra đối với DN vừa và nhỏ đối với vấn đề tuân thủ về thuế GTGT nhằm mục đích góp phần làm rõ vấn đề kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ dưới góc nhìn của DN. Bảng câu hỏi điều tra gồm có 2 phần: Thông tin chung về người được phỏng vấn; Một số vấn đề cần tìm hiểu về việc hỗ trợ kê khai, nộp thuế GTGT của cục thuế tỉnh Quảng Bình.

2.3.3. Kết quả khảo sát việc kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ thông qua bảng câu hỏi và phỏng vấn

Đối với Phiếu phỏng vấn cán bộ CQT, số phiếu phỏng vấn phát ra 100, số phiếu phỏng vấn có hồi đáp 70.

Đối với Phiếu phỏng vấn DN vừa và nhỏ, số phiếu phỏng vấn phát ra 200, số phiếu phỏng vấn có hồi đáp 130.

Về tình hình chấp hành pháp luật thuế: Theo kết quả điều tra tại bảng khảo sát CBCC thuế, DN vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ được đánh giá là loại hình có mức độ rủi ro trong kiểm soát về thuế GTGT cao nhất. Trong tổng số 70 người được điều tra có 21 người cho là mức độ trốn thuế của DN kinh doanh thương mại ở mức độ nghiêm trọng - chiếm tỷ lệ 30%, 28 người đánh giá ở mức khá nghiêm trọng - chiếm tỷ lệ 40% và 18 người đánh giá ở mức rất nghiêm trọng - chiếm tỷ lệ 25,71%. Tiếp theo đó DN hoạt động xây dựng cũng được đánh giá có mức trốn thuế cao (mức nghiêm trọng có 22 ý kiến - 31,43%; mức khá nghiêm trọng có 25 ý kiến - 35,71%; mức rất nghiêm trọng có 9 ý kiến - 12,86%).

Các thủ tục kiểm soát thuế: CQT thường sử dụng các thủ tục kiểm soát thuế khác nhau, tùy thuộc vào loại hình kinh doanh, loại hình DN riêng biệt. Nó được thể hiện qua mức độ ưu tiên, mức độ sử dụng các thủ tục để kiểm soát, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm về thuế cũng như những nhận định về các nhóm giải pháp để tăng cường kiểm soát thuế GTGT.

Từ kết quả phỏng vấn một số cán bộ thuế thuộc các bộ phận tham gia trực tiếp vào quy trình kiểm soát thuế GTGT có thể nhận thấy rằng:

- Loại hình DN thương mại, dịch vụ có rủi ro về kiểm soát thuế GTGT cao nhất, xếp thứ hai là loại hình DN xây dựng.

- Hoạt động kê khai và kế toán thuế chưa được kiểm soát, nắm bắt kịp thời số DN vừa và nhỏ thành lập hay giải thể để đôn đốc kê khai thuế. Hiện tại vẫn còn một số lượng lớn DN được cấp giấy chứng nhận ĐKKD nhưng không đăng ký, kê khai nộp thuế với CQT

với nhiều lý do khác nhau.

- Phòng xử lý tờ khai và kế toán thuế còn chưa có sự tổng hợp phân loại đối với loại hình DN cũng như những đối tượng thường xuyên kê khai sai, chậm nộp tờ khai cũng như các vướng mắc của từng nhóm NNT trong kê khai, các công việc này còn đang đổ dồn về phòng Kiểm tra thuế.

- Công tác kiểm tra, thanh tra thuế việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra còn xem trọng định mức truy thu thuế, dựa nhiều vào kinh nghiệm của thanh tra viên; việc xác định đối tượng thanh tra chủ yếu dựa vào hồ sơ DN nộp tại cục thuế, chưa có sự tiếp cận nhiều nguồn thông tin bên ngoài khi xác định đối tượng thanh kiểm tra; thời gian thanh tra một đơn vị từ 1 đến 3 ngày, phạm vi thanh tra rộng chưa có tính chuyên sâu.

- Các biện pháp xử lý vi phạm về thuế chưa đảm bảo tính răn đe, tạo hiệu quả cao đối với DN vừa và nhỏ trong vấn đề kiểm soát thuế GTGT.

2.3.4. Khảo sát các kỹ thuật kiểm soát thuế GTGT qua tài liệu của thanh tra thuế

Với mục đích nghiên cứu những kỹ thuật thanh tra, kiểm tra thuế, 2 công ty được chọn để khảo sát đáp ứng yêu cầu là DN vừa và nhỏ thuộc 2 lĩnh vực thương mại, dịch vụ và xây dựng thuộc loại hình kinh doanh có nhiều sai phạm về thuế GTGT và đã được thanh tra thuế trong 3 năm gần nhất đó là: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Quảng Bình và Công ty TNHH Long Phú.

Bên cạnh việc kiểm tra về việc kê khai thuế của 2 DN; tác giả còn tiến hành xem xét kỹ việc thanh tra, kiểm tra thuế GTGT bắt đầu từ việc kiểm tra hồ sơ DN tại trụ sở cơ quan thuế. Khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT, cán bộ thuế kiểm tra việc kê khai thuế GTGT đầu

vào, kê khai thuế GTGT đầu ra có kịp thời và đúng quy định; Kiểm tra việc mở sổ kế toán và ghi chép hạch toán nghiệp vụ phát sinh; Phân tích chiều ngang, chiều dọc các số liệu trên báo cáo tài chính (Bảng tổng kết tài sản, bảng cân đối số phát sinh) và các tờ khai thuế tháng, năm cũng như các năm để xác định các yếu tố bất thường; kiểm tra sự tương ứng của DT tính thuế và thuế phát sinh với kết quả sản xuất kinh doanh của DN; việc mua, in và kê khai HĐ GTGT có đúng quy định; thuế suất của các mặt hàng có được kê khai đúng; giá bán hàng của DN hóa có phù hợp tình hình thực tế thị trường không, hồ sơ hoàn thuế của DN có được kê khai đúng quy định không. Từ đó cho thấy cái nhìn toàn diện về việc kiểm soát thuế GTGT đối với DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. Cho thấy những gian lận sai sót thường gặp và những vấn đề cần phải đề ra các giải pháp tăng cường nhằm giúp việc kiểm soát thuế GTGT tốt hơn trong tương lai.

2.4. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DN VỪA VÀ NHỎ TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

2.4.1. Ưu điểm

2.4.2. Hạn chế

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI CÁC DN VỪA VÀ NHỎ DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DN VỪA VÀ NHỎ TẠI CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH

3.1.1. Hạn chế trong kỹ thuật kiểm soát thuế GTGT hiện nay

- Về tổ chức bộ máy kiểm soát thuế: cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp chưa hoàn toàn thay thế cơ chế chuyên quản, một số chức năng giữa các bộ phận còn chồng chéo.

- Về công tác kiểm soát thuế: các phòng chức năng phải chịu trách nhiệm trước Cục trưởng trong thực hiện dự toán thu do vậy mà bộ phận này luôn ưu tiên phần lớn thời gian, nhân lực cho việc đôn đốc thu nộp làm giảm khả năng kiểm soát thuế GTGT dẫn đến chất lượng kiểm soát thuế GTGT còn nhiều hạn chế.

Về công tác kiểm soát số lượng DN vừa và nhỏ trong việc đăng ký thuế và kê khai thuế: Hiện tại vẫn còn một số lượng lớn DN được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không đăng ký, kê khai nộp thuế với CQT với nhiều lý do khác nhau

Phòng xử lý tờ khai và kế toán thuế: việc kiểm soát ở bộ phận này còn chưa được chú trọng, chưa chủ động nắm bắt và phân loại nhóm đối tượng thường xuyên kê khai sai, chậm nộp tờ khai cũng như các vướng mắc của từng nhóm người nộp thuế trong kê khai, các công việc này còn đang đổ dồn về phòng Kiểm tra thuế.

Về công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế: Việc phân tích rủi ro và xác định đối tượng thanh kiểm tra còn có nhiều

thiếu sót gây ra việc một số đối tượng có hành vi trốn thuế không được xem xét kịp thời.

Việc tuyên truyền đối với người dân còn hạn chế. Đặc biệt hiện nay ý thức của người tiêu dùng chưa được cao, thói quen mua hàng hoá không lấy HD đang còn xảy ra phổ biến, tình trạng đó đã vô tình đã tiếp tay cho người bán trốn thuế.

- Về cơ sở dữ liệu và thông tin về ĐTNT tại CQT: thông tin lưu tại Cục thuế vẫn còn rời rạc, chưa cập nhật và lưu trữ có tính hệ thống để phục vụ thuận tiện cho việc truy cập, khai thác đánh giá tính tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNT nhất là trong tình hình số lượng DN vừa và nhỏ tăng mạnh trong những năm gần đây.

3.1.2. Yêu cầu đặt ra trong tình hình mới

Việc tăng cường công tác kiểm soát thuế GTGT trên cơ sở xuất phát từ những định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Bình và chỉ tiêu thu Ngân sách đặt ra tăng bình quân hàng năm 25-26%, đồng thời đảm bảo những quan điểm cơ bản trong chiến lược cải cách thuế giai đoạn hiện nay.

Việc xã hội hóa công tác thuế GTGT ở đây được nhìn nhận với góc độ rộng hơn, với mục đích và nội dung khác toàn diện hơn. Xã hội hóa công tác thuế GTGT, có thể được hiểu là công tác thuế phải được nhiều tổ chức, cá nhân tham gia, từ khâu dự thảo ban hành Luật đến khi Luật đi vào cuộc sống.

Ngành thuế đang trong giai đoạn cải cách và hiện đại hoá mạnh mẽ, nhất là đang chuyển đổi hẳn sang cơ chế quản lý theo chức năng, tăng cường tính tự chủ, tự giác trong kê khai nộp thuế GTGT của NNT.

Tiến hành nâng cao năng lực của công chức ngành thuế về nghiệp vụ chuyên môn cũng như đạo đức nghề nghiệp. Hoàn thiện

các cơ chế chính sách đào tạo CBCCC thuế đáp ứng được tình hình về kiểm soát thuế GTGT trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thiện quy trình kiểm soát thuế GTGT theo hướng hiện đại hóa nhằm đáp ứng yêu cầu cũng như xu hướng phát triển của tỉnh Quảng Bình. Xúc tiến các giải pháp hỗ trợ và cải tiến quy trình kiểm soát thuế GTGT nhằm rút ngắn thời gian và đơn giản hóa quy trình nhằm tạo điều kiện cho DN vừa và nhỏ thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với NSNN.

Đẩy mạnh việc vận dụng các ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình kiểm soát thuế và hỗ trợ DN; giúp CQT gia tăng hiệu quả công việc đồng thời giúp DN thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các quy định về thuế GTGT hiện hành cũng như tra cứu thông tin và giải đáp thắc mắc trực tuyến giúp rút ngắn thời gian và tạo sự thuận tiện về cả hai phía.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DN VỪA VÀ NHỎ DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG BÌNH THỰC HIỆN

3.2.1. Hoàn thiện các phương pháp, kỹ thuật kiểm soát thuế GTGT

a. Tăng cường quản lý ĐTNT, kiểm soát đăng ký kê khai thuế

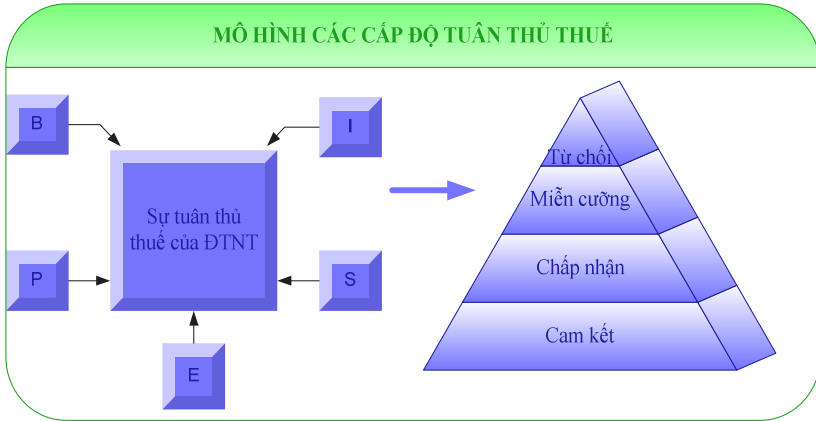
Cục Thuế nên chỉ đạo và giao trách nhiệm cho bộ phận kê khai thuế thường xuyên cập nhật thông tin về DN vừa và nhỏ mới thành lập, phối hợp với bộ phận Kiểm tra thuế tiến hành kiểm tra thực tế tại DN để nắm bắt kịp thời các thông tin kê khai, nắm bắt kịp thời sự biến động của DN như: việc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh, chuyển trụ sở kinh doanh, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản... để yêu cầu DN đăng ký bổ sung, đồng thời hướng dẫn các DN

thực hiện việc kê khai thuế theo đúng quy định. Định kỳ 03 tháng, chỉ đạo bộ phận Kê khai thuế và bộ phận Kiểm tra thuế thực hiện rà soát lại danh sách các DN vừa và nhỏ thành lập được cấp giấy chứng nhận kinh doanh; số DN đã đăng ký thuế được cấp MST trên địa bàn. Dựa trên hệ thống thông tin của Tổng Cục thuế, Sở kế hoạch và đầu tư Quảng Bình nhằm xác định chính xác số DN đang hoạt động có kê khai thuế GTGT, nộp thuế và số DN vừa và nhỏ hoạt động không kê khai, nộp thuế để phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương có chế tài xử phạt và yêu cầu DN có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế.

b. Xây dựng chiến lược kiểm soát NNT thông qua mô hình tuân thủ thuế

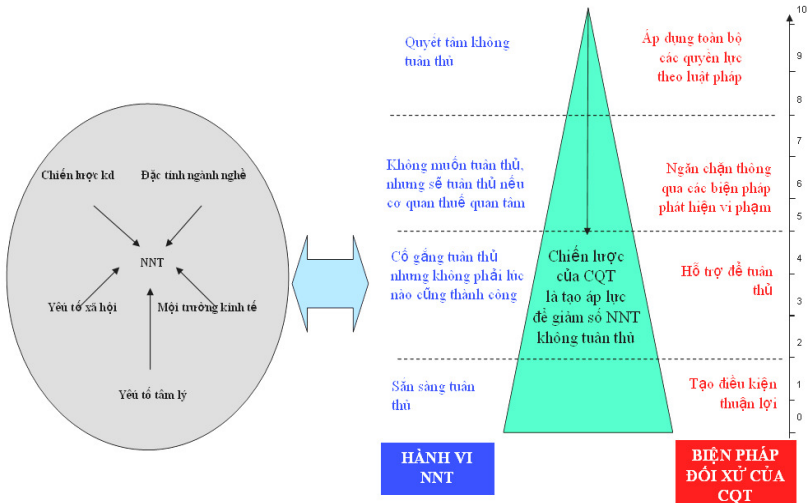
Sự tuân thủ thuế GTGT của DN vừa và nhỏ là một khái niệm phức tạp và diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau. Cấp độ tích cực nhất là cam kết tuân thủ, tiêu cực hơn là miễn cưỡng tuân thủ và từ chối nghĩa vụ thuế GTGT.

Các cấp độ tuân thủ của ĐTNNT thể hiện mức độ chấp nhận hoặc từ chối nghĩa vụ thuế GTGT hay thái độ tuân thủ nghĩa vụ thuế của ĐTNNT. Đây chính là các cấp độ bày tỏ mối quan hệ và thái độ của NNT với CQT, là mức độ chấp nhận hay từ chối các quy định của luật thuế, bao gồm bốn mức độ tuân thủ như sau:



Sơ đồ 3.3. Mô hình cấp độ tuân thủ thuế

Việc áp dụng mô hình này cho phép CQT có thể đánh giá, phân loại ĐTNT theo mức độ tuân thủ thuế GTGT, từ đó có thể đưa ra những biện pháp quản lý để đạt được mục tiêu là hiệu lực QLT GTGT. Thể hiện qua sơ đồ sau:

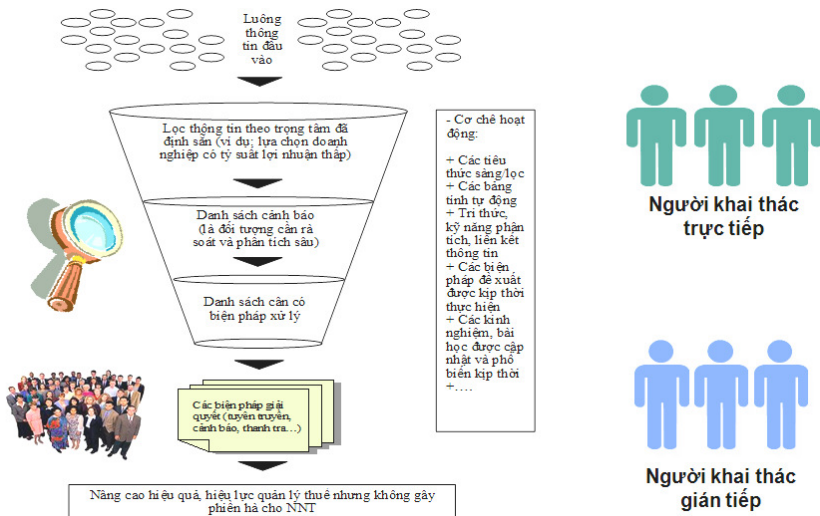


Sơ đồ 3.4. Mô hình các chiến lược kiểm soát

c. Hoàn thiện quy trình quản lý rủi ro trong hoạt động kiểm soát thuế đối với DN vừa và nhỏ

Tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế GTGT giống như một bộ lọc giúp CQT lựa chọn những đối tượng cần tăng cường kiểm soát về thuế cũng như hoạt động xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế. Mặt khác, quá trình thực hiện và đánh giá việc chấp hành nghĩa vụ về thuế theo hệ thống tiêu chí rủi ro trong thanh tra góp phần nâng cao ý thức tuân thủ của NNT, bảo đảm công khai, minh bạch trong kiểm soát thuế GTGT.

Việc quản lý rủi ro thể hiện như sau:



Sơ đồ 3.6. Mô hình quản lý rủi ro

Sự cải tiến nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm soát, phù hợp với thực tiễn trong vấn đề kiểm soát thuế GTGT cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tính toàn diện
- Yêu cầu về tính hợp lý

- Yêu cầu về tính cụ thể, rõ ràng, dễ xác định

d. Đẩy mạnh việc kiểm soát HĐ chứng từ và quy trình hoàn thuế GTGT

3.2.2. Tiên hành chuyển đổi các hệ thống ứng dụng CNTT đang sử dụng để kiểm soát thuế GTGT sang ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS)

Đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao về kết nối và sử dụng thông tin của cả CQT và NNT, Việc triển khai áp dụng ứng dụng Ứng dụng Hệ thống QLT tập trung (TMS – Tax Management System) sẽ giúp ngành thuế dễ dàng áp dụng các quy trình nghiệp vụ quản lý chuẩn trên toàn quốc ở cả ba cấp, làm tăng khả năng kiểm soát việc áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ QLT tại CQT các cấp. Khi ứng dụng TMS được triển khai sẽ thay thế toàn bộ 16 ứng dụng hỗ trợ công tác QLT đang triển khai tại Cục Thuế và Chi cục thuế, đáp ứng được toàn bộ các khâu xử lý dữ liệu cho các quy trình nghiệp vụ như: Đăng ký thuế, Quản lý hồ sơ, Quản lý và Xử lý kê khai/quyết toán thuế, Kế toán thuế nội địa, Quản lý nợ, Sổ sách, Báo cáo phân tích, đánh giá.

Việc ứng dụng hệ thống TMS vào công tác kiểm soát thuế GTGT sẽ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí trong việc đầu tư trang thiết bị, tạo thuận lợi cho CQT khi tiến hành khai thác, tổng hợp các số liệu sẽ nhanh chóng, chính xác. Không chỉ có vậy, vì đây là hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung nên hệ thống có khả năng cung cấp các dịch vụ điện tử cho NNT một cách nhanh chóng, chính xác do không phải kết nối với nhiều ứng dụng lõi như: kê khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử... Với NNT, việc ứng dụng TMS vào vận hành, giúp giảm thời gian xử lý các yêu cầu của NNT và tạo ra nhiều thuận lợi cho DN nhất là DN vừa và nhỏ.

3.2.3. Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm soát thuế GTGT

Xây dựng quy chế luân chuyển cán bộ đảm bảo ưu tiên cán bộ có trình độ cho các bộ phận thực hiện chức năng cơ bản của qui trình quản lý thuế TNDN. Đào tạo và bổ sung lực lượng cán bộ trẻ.

Xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng phương pháp quản lý nguồn nhân lực hiện đại thông qua việc xây dựng tiêu chuẩn CBCC thuế theo từng lĩnh vực công tác, theo vị trí công việc; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ làm công tác kiểm tra kiểm soát thuế đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đổi mới phương thức đánh giá phân loại CBCC thuế hàng năm.

Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ để bổ sung và cập nhật kiến thức về thuế và kỹ năng thanh kiểm tra thuế, có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán để công tác thanh tra, kiểm tra DN vừa và nhỏ có hiệu quả, ưu tiên bố trí những CBCC học chuyên ngành kế toán, kinh tế làm việc tại bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế, động viên và tạo điều kiện để các cán bộ lớn tuổi không theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ của công tác kiểm tra kiểm soát thuế nghỉ hưu trước tuổi theo chế độ, hoặc bố trí làm các công việc chuyên môn khác phù hợp hơn.

KẾT LUẬN

Thuế GTGT là nguồn thu chủ yếu của NSNN, là công cụ quan trọng để điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Bằng lý luận và thực tiễn, luận văn đã hệ thống hoá trình bày được cách thức tổ chức kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ theo mô hình quản lý chức năng. Tìm hiểu thực trạng kiểm soát thuế GTGT đối với các DN vừa và nhỏ do Cục thuế Quảng Bình thực hiện và nêu lên những mặt còn hạn chế cũng như một số phương hướng cải thiện do tác giả đề ra như sau:

Thứ nhất, hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận về kiểm soát thuế GTGT, trình bày được cách thức tổ chức kiểm soát thuế GTGT theo mô hình quản lý chức năng.

Thứ hai, tìm hiểu thực trạng kiểm soát thuế GTGT tại Cục thuế Quảng Bình và nêu lên những mặt hạn chế trong công tác kiểm soát thuế GTGT.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực trạng công tác kiểm soát thuế GTGT tại Cục thuế Quảng Bình, luận văn đã đưa ra được một số giải pháp tăng cường kiểm soát thuế GTGT tại Cục thuế tỉnh và tăng cường hỗ trợ DN vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh với các vấn đề liên quan đến thuế GTGT.

Thứ tư, một số kết quả nghiên cứu của luận văn đang bước đầu được triển khai áp dụng thực tế vào công tác kiểm soát thuế GTGT tại Cục thuế Quảng Bình.

Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra còn mang tính chất mờ, chưa đi sâu nghiên cứu một số vấn đề cụ thể như: Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng công tác của từng bộ phận, từng khâu kiểm soát, các thủ tục kiểm soát cụ thể cho từng loại hình DN và lĩnh vực hoạt động...